

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 903/2025/DS-PT

Ngày 23 - 12 - 2025

V/v tranh chấp “Xác định quyền
sở hữu, quyền sử dụng tài sản là
quyền sử dụng đất và chia tài
sản chung của hộ gia đình”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thơ

Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 693/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất và chia tài sản chung của hộ gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1326/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tô Thị H**, sinh năm 1943;

Địa chỉ: ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp).

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Quang N**, sinh năm 1956;

Địa chỉ: số D, tổ B, khu D, thị trấn C, huyện C, Tiền Giang (nay là ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp). Theo Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025.

2. Bị đơn: Bà **Tô Thị H1**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp).

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Châu Thị H2**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: B L, khu phố B, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản uỷ quyền ngày 19/12/2025.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – Bà **Tô Thị H1**.

(Có mặt bà H2, ông N).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn, bà Tô Thị H có đại diện theo uỷ quyền là ông Bùi Quang N trình bày:

Bà Tô Thị H có thửa đất số 98, tờ bản đồ số 20, diện tích 4.576,6m² tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp GCN số H01554 ngày 13/02/2006 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Tô Thị H. Tại thời điểm cấp giấy đất thì hộ bà H có 02 thành viên là bà Tô Thị H và bà Tô Thị H1 (em gái của bà H). Nguồn gốc của phần đất này là do cha mẹ của bà H, bà H1 chết để lại.

Ngày 05/4/2023, bà H với bà H1 thống nhất thỏa thuận phân chia phần đất này làm 02 phần, bà H làm hợp đồng tặng cho bà H1 phần diện tích 2.352,2m², số thửa 623, tờ bản đồ số 20 và toàn bộ cây trồng trên đất; phần còn lại của bà H có số thửa 622, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.223,7m² trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm, điều chỉnh tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01554 ngày 13/02/2006 nêu trên. Khi bà H yêu cầu bà H1 làm thủ tục để cá nhân bà H đứng tên riêng đối với phần đất này thì bà H1 không đồng ý ký tên.

Do đó, bà H yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Xác định phần đất thuộc thửa 622, tờ bản đồ 20, diện tích 2.223,7m² trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) là của cá nhân bà Tô Thị H, bà H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Hiệp đồng Ý chia lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho bà H1 theo định giá của Hội đồng định giá.

Bị đơn, bà Tô Thị H1 trình bày:

Bà H1 với bà H là chị em ruột, hai chị em có thửa đất số 98, tờ bản đồ số 20, diện tích 4.576,6m² tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/02/2006 cho hộ bà Tô Thị H. Nguồn gốc đất do cha mẹ để lại, trên đất có cất 01 căn nhà tường cấp 4 của hai chị em.

Vào năm 2023, bà H làm thủ tục tách thửa cho bà H1 diện tích 2.352,2m², số thửa 623 tờ bản đồ 20; phần đất còn lại của bà H có số thửa 622 tờ bản đồ 20 diện tích 2.223,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm), nhưng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ điều chỉnh tại trang 04, nên giấy đất vẫn còn của hộ gia đình.

Do thời gian gần đây trong gia đình có lời qua tiếng lại về việc tách thửa nên hai bên xảy ra tranh chấp và bà H đi kiện đòi đứng tên đất cá nhân.

Tại buổi hòa giải ngày 21/02/2025 của Ủy ban nhân dân xã C thì bà Hiệp đồng Ý hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và công sức đóng góp của bà H1 trong tài sản này với số tiền 300.000.000 đồng, bà H1 không đồng ý, mong muốn chị em tiếp tục chung sống, hàn gắn tình cảm giữa hai chị em, đất để làm đất hương quả. Do đó, bà H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Nay bà H1 có đơn phản tố yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Yêu cầu bà H hoàn trả giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà, cây trồng và thửa đất số 622, diện tích 2.223,7m² tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) do bà Tô Thị H đại diện hộ gia đình đứng tên.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp căn cứ các điều 102, 158, 205, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Đất đai năm 2024;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị H.

Xác định thửa đất số 622, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.223,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) là của cá nhân bà Tô Thị H.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Tô Thị H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 622, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.223,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn, 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp) cho cá nhân bà Tô Thị H đứng tên theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Tô Thị H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Tô Thị H chi phí tố tụng do đặc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 4.849.000 đồng (Bốn triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Tô Thị H1.

Buộc bà Tô Thị H chia lại cho bà Tô Thị H1 giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà kết cấu mái lợp tole, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch Ceramic 500x500, có trần, có khu phụ diện tích 107,05m² và mái che kết cấu mái lợp tole, kèo

thép, cột bê tông, vách gỗ, nền xi măng diện tích 45,82m² với số tiền 158.068.000 đồng.

Sau khi bà Tô Thị H hoàn trả xong ½ giá trị căn nhà cho bà Tô Thị H1 thì bà H được quyền sở hữu căn nhà kết cấu mái lợp tole, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch Ceramic 500x500, có trần, có khu phụ diện tích 107,05m² và mái che kết cấu mái lợp tole, kèo thép, cột bê tông, vách gỗ, nền xi măng diện tích 45,82m² cất trên thửa đất số 622, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.223,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn, 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay xã B, tỉnh Đồng Tháp).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Tô Thị H1 về việc yêu cầu bà Tô Thị H chia giá trị ½ cây trồng và thửa đất số 622, diện tích 2.023,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn, 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) với số tiền 615.127.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

* Ngày 28/8/2025, bà Tô Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị H, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Tô Thị H1.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà Tô Thị H1 có đại diện uỷ quyền là bà Châu Thị H2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Tô Thị H có đại diện uỷ quyền là ông Bùi Quang N không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Tô Thị H1. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Tô Thị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Tô Thị H1 còn trong thời hạn quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

2.1. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị H:

Bà Tô Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 622, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.223,7m² trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm ở ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp) là của cá nhân bà Tô Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị H là có căn cứ phù hợp pháp luật, bỏ các lẽ sau:

Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 20, diện tích 4.576,6m² trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 4276,6m² đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01554 ngày 13/02/2006 cho hộ bà Tô Thị H. Nguồn gốc đất do cha mẹ bà H chết để lại. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận, hộ bà H gồm 02 thành viên là bà Tô Thị H và bà Tô Thị H1.

Tuy nhiên, bà H muốn chia cho bà H1 $\frac{1}{2}$ diện tích đất này nên ngày 22/02/2023 bà H lập hợp đồng tặng cho bà H1 thửa đất số 623, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.352,2m² (được tách ra từ thửa đất 98), bà H1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/3/2023, do đó phần đất bà H còn lại thuộc thửa số 622, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.223,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn; 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm).

Như vậy, thửa đất số 98 này đã được chia đều cho bà H và bà H1 xong. Nay bà H yêu cầu xác định thửa số 622, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.223,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn, 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm) của cá nhân bà H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 158, Điều 205 Bộ luật Dân sự nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu phân tố của bà Tô Thị H1:

Bà Tô Thị H1 yêu cầu bà Tô Thị H hoàn trả giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà, cây trồng và thửa đất số 622, diện tích 2.023,7m² theo biên bản định giá tài sản ngày 28/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản huyện C.

Xét yêu cầu của bà H1 là không có căn cứ, không phù hợp pháp luật, bởi lẽ:

Tại tòa người đại diện uỷ quyền của bà H và bà H1 thống nhất trình bày tài sản chung của bà H với bà H1 chưa chia là căn nhà kết cấu mái lợp tole, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch Ceramic 500x500, có trần, có khu phụ, diện tích 107,05m², trị giá 307.340.550 đồng và mái che có kết cấu mái lợp tole, kèo thép, cột bê tông, vách gỗ, nền xi măng, diện tích 45,82m² trị giá 8.797.440 đồng. Tổng giá trị công trình là 316.137.990 đồng.

Ông N đồng ý hoàn lại cho bà H1 $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với số tiền 158.068.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 102 Bộ luật Dân sự nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng đại diện uỷ quyền của bà H1 cho rằng ngoài giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà thì tài sản chung của bà H với bà H1 chưa chia còn có các cây trồng trên thửa đất 622 gồm: 36 cây sầu riêng loại cho trái ổn định, 03 cây sầu riêng loại trên 01 năm tuổi, mít cho thu hoạch ổn định 01 cây, mít già lão 04 cây, T loại cho trái chưa ổn định 03 cây, nhãn loại già lão 01 cây. Tổng giá trị cây trồng 484.529.000 đồng + giá trị phần đất 745.726.000 đồng = 1.230.255.000 đồng : 2 = 615.127.000 đồng chưa chia.

Xét thấy: đối với các cây trồng trên đất thì khi bà H với bà H1 sinh sống chung nhà có trồng cây chung trên thửa đất số 98, tờ bản đồ số 20, diện tích 4.576,6m², nhưng cho đến ngày 22/02/2023 thì bà H đã cắt chia cho bà H1 $\frac{1}{2}$

diện tích đất là thửa đất số 623, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.352,2m² và toàn bộ cây trồng trên diện tích đất này cho bà H1 đứng tên quyền sử dụng đất, nên phần cây trồng và thửa đất số 622 còn lại là phần tài sản của bà H. Nay bà H1 yêu cầu chia ½ giá trị cây trồng và thửa đất 622 của bà H là không có căn cứ nên không được hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về chi phí tố tụng: Ông N đại diện ủy quyền nguyên đơn bà H đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.500.000 đồng và tiền đo đạc đất số tiền 1.349.612 đồng, tổng cộng là 4.849.000 đồng. Ông N yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại chi phí tố tụng. Xét thấy, do yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận, nên bà H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H chi phí tố tụng với số tiền 4.849.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị H, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Tô Thị H1 là đúng pháp luật.

Tại phiên toà, bà Châu Thị H2 là người đại diện theo uỷ quyền của bà Tô Thị H1 yêu cầu hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà H1 do bà H1 có công sức đóng góp nhiều hơn bà H trong việc tạo lập tài sản chung nhưng bà H1 và bà H2 không bổ sung được chứng cứ nào khác. Do vậy, hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Tô Thị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Bà H1 và bà H đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tô Thị H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2025/DS-ST ngày 15/8/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 4 tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ các Điều 102, 158, 205, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 157, 165, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 23, Điều 26 Luật đất đai năm 2024; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị H.

Xác định thửa đất số 622, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.223,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn, 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp D, xã

C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp) là của cá nhân bà Tô Thị H.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Tô Thị H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 622, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.223,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn, 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp) cho cá nhân bà Tô Thị H đứng tên theo quy định pháp luật.

Phần đất thửa đất số 622, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.223,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn, 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp) theo phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 04/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ) kèm theo có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất Huỳnh Văn N1, Trần Thị Thủ .
- + Hướng Tây giáp đất Tô Văn P, Tô Văn C.
- + Hướng Nam giáp đất Lê Minh S, Nguyễn Thị B, Trần Văn T1.
- + Hướng Bắc giáp đất Tô Thị H1.

1.2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Tô Thị H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Tô Thị H chi phí tố tụng đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 4.849.000 đồng (Bốn triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

1.3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Tô Thị H1.

Buộc bà Tô Thị H chia lại cho bà Tô Thị H1 giá trị ½ căn nhà kết cấu mái lợp tole, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch Ceramic 500x500, có trần, có khu phụ diện tích 107,05m² và mái che kết cấu mái lợp tole, kèo thép, cột bê tông, vách gỗ, nền xi măng diện tích 45,82m² với số tiền 158.068.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi bà Tô Thị H hoàn trả xong ½ giá trị căn nhà cho bà Tô Thị H1 thì bà H được quyền sở hữu căn nhà kết cấu mái lợp tole, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch Ceramic 500x500, có trần, có khu phụ diện tích 107,05m² và mái che kết cấu mái lợp tole, kèo thép, cột bê tông, vách gỗ, nền xi măng diện tích 45,82m² cất trên thửa đất số 622, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.223,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn, 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp).

1.4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Tô Thị H1 về việc yêu cầu bà Tô Thị H chia giá trị $\frac{1}{2}$ cây trồng và thửa đất số 622, diện tích 2.023,7m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn, 2.023,7m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp) với số tiền 615.127.000 đồng (Sáu trăm mười lăm triệu một trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Tô Thị H và bà Tô Thị H1.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 4 - tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 4-Dồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thuý Hằng – Hoàng Thị Thơ

Lưu Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV 4 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 4 - Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Thẩm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy